

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BẾN TRE  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09-9-2022

V/v tranh chấp về chia tài sản  
sau khi ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hoàng Út

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hàn Nhựt Thái

2. Bà Nguyễn Thị Bé Em

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Cẩm Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa:**  
Bà Lư Ngọc Thiên An – Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 143/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 về việc tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị T, sinh năm: 1976;

Nơi cư trú: Số 77/3, ấp T, thị trấn T, huyện TP, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Võ Văn Lem E, sinh năm: 1976;

Nơi cư trú: Số 377B, ấp P, xã PH, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Có yêu cầu xét xử vắng mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Võ Thị Kim T, sinh năm: 1987;

Nơi cư trú: Số 286B, ấp P, xã PH, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Có yêu cầu xét xử vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện; các văn bản, tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án; lời trình bày tại biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:*

Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 42/2017/QĐST-HNGĐ ngày 06/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đã công nhận cho bà Trần Thị T và ông Võ Văn Lem E thuận tình ly hôn. Về phần tài sản chung: gồm có thửa đất số 299, diện tích 1.538 m<sup>2</sup> và thửa 311, diện tích 1.576 m<sup>2</sup>, cùng tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre, bà T và ông Lem E thống nhất tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn, 02 thửa đất trên được tách ra thành 04 thửa là thửa 725 (diện tích 774 m<sup>2</sup>), thửa 726 (diện tích 763,5 m<sup>2</sup>), 727 (diện tích 781,3 m<sup>2</sup>) và thửa 728 (diện tích 794,5 m<sup>2</sup>), bà T và ông Lem E thỏa thuận như sau: bà T nhận thửa 727 và 725, ông Lem E nhận thửa 726 và 728, cùng tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre. Bà T đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất được nhận nêu trên ngày 16/6/2021. Thửa đất số 728 hiện nay thuộc quyền sử dụng của bà Võ Thị Kim Th, thửa đất này do bà Th nhận chuyển nhượng của ông Võ Văn Lem E. Bà T và ông Lem E còn tài sản chung chưa phân chia là căn nhà bằng cây gỗ nằm trên thửa đất số 727 và 728, hiện ông Lem E đang ở trên căn nhà trên. Vì vậy, bà T khởi kiện yêu cầu chia đôi giá trị tài sản chung là căn nhà nêu trên, bà T nhận toàn bộ căn nhà và hoàn lại cho ông Lem E 50% giá trị theo kết quả định giá. Đối với phần căn nhà nằm trên thửa đất số 728 của bà Th bà T nhận và sẽ tự tháo dỡ sau khi bản án có hiệu lực thi hành.

*Theo lời trình bày tại biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Võ Văn Lem E trình bày:*

Nếu bà Trần Thị T muốn chia tài sản chung là căn nhà thì phải chia hết tất cả các tài sản chung của ông Lem E và bà T kể cả các tài sản trước đây đã chia, nếu bà T muốn lấy căn nhà thì phải cất căn nhà khác cho ông Lem E ở thửa đất cạnh nhà, căn nhà do ông Lem E và bà T xây cất, hiện nay ông Lem E đang sinh sống trên căn nhà này và không còn chỗ ở nào khác. Ngoài ra, ông Lem E và bà T còn có tài sản chung là chiếc xe Bus trị giá khoảng 60.000.000 đồng chưa chia, hiện bà E đang quản lý sử dụng. Ông Lem E chỉ trình bày chứ không làm đơn yêu cầu chia tài sản chung đối với tài sản trên, đồng thời xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án các cấp.

*Theo lời trình bày tại biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án,*

*người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Kim Th trình bày:*

Bà Th là chủ sử dụng thửa đất số 728, tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre, thửa đất này do bà Th nhận chuyển nhượng của ông Võ Văn Lem E. Khi nhận chuyển nhượng có đo đạc lại và biết có một phần diện tích nhà nằm trên thửa đất của bà Th nhưng do chưa có nhu cầu sử dụng và là chú cháu trong gia đình nên bà Th chưa yêu cầu tháo dỡ. Theo hồ sơ đo đạc căn nhà của bà T và ông Lem E đang tranh chấp có một phần nằm trên thửa đất của bà Th với diện tích 4,3 m<sup>2</sup>, sau khi giải quyết vụ án ai được nhận phần diện tích nhà trên thửa đất của bà Th phải tự tháo dỡ trả lại đất cho bà Th, trường hợp không tự nguyện tháo dỡ thì khi có yêu cầu và phát sinh tranh chấp thì bà Th sẽ khởi kiện bằng vụ việc dân sự khác. Bà Th không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này, đồng thời xin vắng mặt tại các lần giải quyết, xét xử tiếp theo tại Tòa án các cấp.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre phát ý kiến giải quyết như sau:*

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T về việc yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn đối với bị đơn ông Võ Văn Lem E. Cụ thể: chia đôi giá trị tài sản chung, bà T sẽ nhận toàn bộ tài sản chung là căn nhà và hoàn trả cho ông Lem E 50% giá trị theo kết quả định giá tài sản.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, căn cứ ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Trần Thị T khởi kiện ông Võ Văn Lem E yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn hiện đang cư trú tại thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và các điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Ông Võ Văn Lem E và bà Võ Thị Kim T có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu chia tài sản chung của bà Trần Thị T:

[3.1] Các bên thống nhất căn nhà trên đất là tài sản chung của bà T và ông Lem E trong thời kỳ hôn nhân do bà T và ông Lem E cùng nhau xây dựng, theo văn bản thỏa thuận chia tài sản chung giữa ông Lem E và bà T chưa phân chia đối với căn nhà này nên nay bà T yêu cầu phân chia mỗi người nhận 50% giá trị căn nhà là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, theo đó mỗi người nhận giá trị là  $(103 \text{ m}^2 \times 630.000 \text{ đồng/m}^2) \times 50\% = 32.445.000 \text{ đồng}$ .

[3.2] Theo văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân ngày 08/5/2021 của ông Võ Văn Lem E và bà Trần Thị T được công chứng tại Văn phòng công chứng Kim C đã thể hiện sự thỏa thuận như sau: bà Trần Thị T được toàn quyền quyết định tài sản là quyền sử dụng đất thửa 727, diện tích 781,3 m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre và bà T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên vào ngày 16/6/2021. Xét thấy, mặc dù hiện ông Lem E đang sinh sống trên căn nhà tranh chấp nhưng căn nhà nằm trên thửa đất 727 do bà T là chủ sử dụng hợp pháp và ông Lem E vẫn còn 01 thửa đất khác là thửa 726, tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre. Vì vậy, cần giao cho bà T nhận căn nhà, bà T có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông Lem E 50% với số tiền là 32.445.000 đồng. Ông Lem E có trách nhiệm giao trả lại cho bà T căn nhà trên thửa đất số 727, tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

[3.3] Đối với phần diện tích căn nhà trên thửa đất 728 là 4,3 m<sup>2</sup>, bà T sẽ tự nguyện tháo dỡ và hiện bà Võ Thị Kim Th không có yêu cầu hay tranh chấp gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu các bên có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ việc dân sự khác.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về chi phí thu thập chứng cứ: Chi phí thu thập chứng cứ là: 2.466.000 đồng, do bà T và ông Lem E nhận phần tài sản có giá trị ngang nhau nên bà T và ông Lem E cùng phải chịu chi phí thu thập chứng cứ mỗi người một nửa là 1.233.000 đồng. Do bà T đã nộp xong nên ông Lem E có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà T số tiền 1.233.000 đồng.

[6] Về án phí:

Do bà Trần Thị T và ông Võ Văn Lem E mỗi người được nhận tài sản có giá trị 32.445.000 đồng nên mỗi người phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.620.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 157, 165, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 33, 35, 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T về việc yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn với bị đơn ông Võ Văn Lem E. Cụ thể tuyên:

1.1. Bà Trần Thị T được trọn quyền sử dụng căn nhà trên thửa đất số 727, tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre. Ông Võ Văn Lem E có trách nhiệm giao trả lại cho bà Trần Thị T căn nhà trên thửa đất số 727, tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre (Theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 17/8/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Bến Tre).

1.2. Dành quyền lưu cư cho ông Võ Văn Lem E tại căn nhà và thửa đất nêu trên thời hạn 3 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.3. Buộc bà Trần Thị T có trách nhiệm hoàn trả cho ông Võ Văn Lem E 50% giá trị tài sản chung với số tiền 32.445.000 (Ba mươi hai triệu, bốn trăm, bốn mươi lăm nghìn) đồng.

2. Về chi phí thu thập chứng cứ: buộc ông Võ Văn Lem E có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà Trần Thị T số tiền 1.233.000 (Một triệu, hai trăm ba mươi ba nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

### 3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Trần Thị T phải nộp là 1.620.000 (Một triệu, sáu trăm hai mươi nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà Thanh đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005342 ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre. Bà Trần Thị T còn phải tiếp tục nộp án phí dân sự sơ thẩm là 1.320.000 (Một triệu, ba trăm hai mươi nghìn) đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Võ Văn Lem E phải nộp là 1.620.000 (Một triệu, sáu trăm hai mươi nghìn) đồng.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

4. Về quyền kháng cáo: bà Trần Thị T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với ông Võ Văn Lem E và bà Võ Thị Kim Th vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

#### **Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND TP Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)  
**Lê Hoàng Út**